TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 03/2023
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 27/03/2023

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	25202209287	Nguyễn Thúy	An	22/05/2001	Quảng Ngãi	28TBN9	9.0	9.0	Đạt	
2	25211709306	Dương Tiến	Anh	02/04/2001	Quảng Bình	28TBN10	8.7	7.0	Đạt	
3	25207210669	Kiều Phương	Anh	20/07/2001	Hà Tĩnh	28TSC5	6.3	5.5	Đạt	
4	25207204094	Lê Hoàng	Anh	01/02/2001	Đà Nẵng	28TBN10	8.0	5.5	Đạt	
5	25202603866	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	25/12/2001	Gia Lai	28TSC6	7.7	5.0	Đạt	
6	24215315014	Dương Thế	Bình	25/08/2000	Bình Định	27TBN6	9.0	9.5	Đạt	
7	25202116818	Phan Kim	Chi	14/07/2001	Gia Lai	28TBN9	9.3	6.0	Đạt	
8	25217116176	Dương Tấn	Đạt	04/10/2001	Đà Nẵng	28TBN9	9.3	5.3	Đạt	
9	25217104778	Trương Khả	Di	13/12/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.7	5.5	Đạt	
10	24205209143	Ngô Thị Kiều	Diễm	02/08/1999	Đà Nẵng	27TBN7	4.7	5.5	Không Đạt	
11	24205309144	Nguyễn Ngọc	Diễm	08/08/2000	Bình Định	27TBN7	9.7	8.0	Đạt	
12	25207103893	Nguyễn Trịnh Thu	Duyên	28/12/2001	Đắk Lắk	28SYC3	7.7	2.0	Không Đạt	
13	25203303368	Phan Thị Kim	Duyên	07/01/2001	Quảng Trị	27SYC1	4.0	5.0	Không Đạt	
14	25203111384	Nguyễn Thị Trà	Giang	05/05/2001	Hà Tĩnh	28TBN9	7.7	5.3	Đạt	
15	25205104168	Đặng Vũ	Hà	05/01/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.0	5.3	Đạt	
16	25213308963	Nguyễn Khắc	Hà	14/02/2001	Quảng Nam	28TBN10	9.7	10.0	Đạt	
17	24205302556	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	20/08/1999	Bình Định	27TBN6	8.0	8.5	Đạt	
18	25202116420	Trần Thị Mỹ	Hiền	10/10/2001	Quảng Ngãi	28TBN10	9.3	9.0	Đạt	
19	25217105300	Nguyễn Quang	Hiếu	14/07/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.7	6.0	Đạt	
20	25207101037	Đặng Thị Hồng	Hoa	19/03/2001	Gia Lai	28TBN9	7.7	3.8	Không Đạt	
21	25213216415	Huỳnh Ngọc Khải	Hoàn	13/05/2001	An Giang	28TBN10	5.7	8.5	Đạt	
22	25217116179	Nguyễn Tấn Tân	Hưng	05/11/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.3	5.8	Đạt	
23	26202137634	Lê Huỳnh	Hương	14/07/2002	Quảng Nam	28TBN10	7.7	5.5	Đạt	
24	25207117086	Nguyễn Thị	Hương	30/07/2001	Quảng Bình	28TBN10	8.0	5.8	Đạt	
25	25203309204	Võ Thị	Hương	11/02/2001	Hà Tĩnh	28TBN9	9.3	7.0	Đạt	
26	25217102769	Kiều Văn	Huy	03/11/2001	Quảng Nam	28TBN10	7.0	7.0	Đạt	
27	25203305270	Hồ Thị Khánh	Huyền	23/11/2001	Quảng Trị	28TBN10	7.7	5.8	Đạt	
28	25211703412	Phạm Xuân	Kiệt	18/01/2001	Quảng Bình	28TBN10	9.7	10.0	Đạt	
29	25202103152	Hồ Diễm	Kim	15/09/2001	Gia Lai	28TBN10	V	V	Không Đạt	
30	24205310794	Lương Thị Tú	Lan	12/09/2000	Quảng Nam	27TBN6	9.7	6.0	Đạt	
31	25207104064	Nguyễn Huỳnh Gia	Linh	05/03/2001	Thừa Thiên H	28TBN9	8.3	5.8	Đạt	
32	24203100429	Châu Quỳnh	My	19/02/2000	Quảng Ngãi	28CHT4	7.3	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	25207212855	Nguyễn Thị Trà	My	30/01/2001	Đắk Lắk	28TBN10	7.7	8.0	Đạt	
34	25207202685	Đinh Thị Ngọc	Mỹ	08/10/2001	Kon Tum	28TBN10	9.7	10.0	Đạt	
35	25202500765	Nguyễn Thị	Mỹ	19/10/2001	Gia Lai	28TBN9	9.7	7.0	Đạt	
36	25205103578	Nguyễn Trần Hương	Ngân	09/02/2001	Quảng Nam	28TBN9	6.0	3.8	Không Đạt	
37	25212104048	Nguyễn Hữu	Nghĩa	05/10/2001	Phú Yên	28TBN10	8.3	8.0	Đạt	
38	24205307667	Phạm Lê Hạnh	Nguyên	14/03/2000	Phú Yên	27TBN6	8.7	7.5	Đạt	
39	24215308478	Phan Công Triều	Nguyên	25/07/1999	Quảng Nam	27TBN6	9.3	8.0	Đạt	
40	25205110336	Phan Ánh	Nguyệt	13/08/2001	Bình Định	28TBN9	9.7	4.0	Không Đạt	
41	25203116907	Cao Thanh	Nhàn	24/05/2001	Khánh Hòa	28TBN9	8.7	5.0	Đạt	
42	25215304057	Đào Minh	Nhật	25/11/2001	Bình Định	28TBN9	6.7	9.5	Đạt	
43	24215312095	Nguyễn Quang	Nhật	27/07/2000	Bình Định	28TBN9	V	V	Không Đạt	
44	25203113283	Đinh Ngọc Hải	Nhi	28/09/2001	Đà Nẵng	28TBN9	7.3	5.3	Đạt	
45	24205312185	Nguyễn Khánh	Như	08/08/2000	Phú Yên	27TBN6	8.7	8.0	Đạt	
46	25207101952	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18/08/2001	Quảng Ngãi	28TBN9	9.0	3.0	Không Đạt	
47	25202216829	Trần Hoàng Hạ	Như	16/05/2001	Gia Lai	28TBN10	6.7	6.0	Đạt	
48	25202200977	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/01/2001	Đăk Lăk	28TBN10	7.7	8.5	Đạt	
49	25215307791	Trần Đăng	Ninh	27/08/2001	Kon Tum	28TBN9	8.0	8.5	Đạt	
50	24205303637	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	27/03/2000	Bình Định	27TBN7	9.3	8.5	Đạt	
51	25207101794	Võ Thị Kim	Oanh	04/05/2001	Lâm Đồng	28TBN9	9.7	8.0	Đạt	
52	25205307528	Đỗ Thị Hoàng	Phúc	27/06/2001	Phú Yên	28TBN9	8.7	8.5	Đạt	
53	26218642345	Huỳnh Hữu	Phước	13/08/2002	Quảng Nam	28TBN10	9.7	10.0	Đạt	
54	25203209038	Võ Thị Thu	Phước	25/02/2001	Quảng Ngãi	28TBN10	8.7	8.5	Đạt	
55	25207117344	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/11/2001	Gia Lai	28TBN9	9.0	7.0	Đạt	
56	25202117028	Đinh Thị Như	Phượng	26/02/2001	Quảng Nam	28TBN10	10.0	10.0	Đạt	
57	25217104272	Nguyễn Văn	Quang	05/03/2001	Quảng Nam	28TBN9	8.0	7.5	Đạt	
58	27214341232	Võ Lê Anh	Quốc	02/09/2003	Quảng Nam	28TBN10	7.3	8.3	Đạt	
59	25217215735	Bùi Văn	Tâm	01/01/2001	Quảng Nam	28TBN9	5.7	5.5	Đạt	
60	25215309207	Vũ Trương Long	Thành	01/01/2001	Bình Định	28TBN9	7.7	8.8	Đạt	
61	25202108566	Lê Thị Thu	Thảo	02/06/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.0	7.0	Đạt	
62	25205117660	Nguyễn Phương	Thảo	12/08/2001	Quảng Trị	28TBN9	9.7	7.0	Đạt	
63	25203302132	Nông Thị Phương	Thảo	09/09/2001	Phú Yên	28TBN10	8.3	6.8	Đạt	
64	25203302262	Bùi Anh	Thi	21/08/2001	Quảng Ngãi	28TBN10	9.3	9.5	Đạt	
65	27211200342	Nguyễn Văn	Thịnh	20/01/2003	Thừa Thiên H	28TBN10	V	V	Không Đạt	
66	24205313357	Nguyễn Thị Kim	Thoa	17/02/2000	Bình Định	27TBN6	9.3	9.0	Đạt	
67	25202308859	Nguyễn Nho Minh	Thư	01/05/2000	Gia Lai	28TBN10	8.0	8.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	24215313425	Đặng Ngọc	Thuận	24/06/2000	Quảng Ngãi	27TBN6	5.3	3.3	Không Đạt	
69	25207214633	Huỳnh Thị Hoài	Thương	20/04/2001	Quảng Nam	28TBN10	9.0	9.0	Đạt	
70	25202509816	Lê Thị Hoài	Thương	28/09/2001	Quảng Trị	28TBN9	9.7	10.0	Đạt	
71	25207214648	Nguyễn Minh	Thương	27/06/2001	Đà Nẵng	28THT7	7.3	5.0	Đạt	
72	25207109130	Nguyễn Thị	Thuỷ	17/03/2000	Hà Tĩnh	28TBN10	8.7	5.0	Đạt	
73	25207108847	Nguyễn Thị	Thúy	18/01/2001	Đăk Lăk	28TBN10	7.7	5.0	Đạt	
74	25205117488	Bùi Thị Bích	Thùy	08/01/2001	Bình Định	28TSC8	7.3	3.0	Không Đạt	
75	25217109000	Nguyễn Văn	Tiên	30/07/2001	Đăk Lăk	28TBN10	8.3	6.0	Đạt	
76	25217202200	Phan Trọng	Tiến	03/07/2001	Quảng Trị	28TBN9	4.0	3.0	Không Đạt	
77	24215316447	Võ Minh	Tín	25/01/2000	Phú Yên	27TBN6	7.3	8.8	Đạt	
78	25215314782	Nguyễn Việt	Toán	23/10/2001	Phú Yên	28TBN9	9.0	9.5	Đạt	
79	25203101802	Cao Nữ Huyền	Trâm	20/04/2001	Quy Nhơn	28SSC2	V	V	Không Đạt	
80	24205314035	Phan Thúy	Trâm	04/09/1999	Bình Định	27TBN6	9.0	8.0	Đạt	
81	25202114974	Trần Thị Thúy	Trâm	27/07/2001	Đắk Lắk	28TBN10	8.0	6.5	Đạt	
82	24205308067	Phan Lê Thiên	Trang	07/07/2000	Phú Yên	27TBN6	9.7	9.5	Đạt	
83	25203316014	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	01/09/2001	Quảng Nam	28TBN10	9.3	8.5	Đạt	
84	25217104086	Nguyễn Quang	Trường	25/12/2001	Quảng Nam	28TBN9	6.7	6.5	Đạt	
85	24215314308	Nguyễn Mạnh	Tú	09/09/2000	Phú Yên	27TBN6	9.0	6.3	Đạt	
86	25217116222	Nguyễn Ngọc Minh	Tuấn	22/10/2001	Đà Nẵng	28TBN10	9.0	9.5	Đạt	
87	25212115379	Nguyễn Trọng	Ước	27/07/2001	Đắk Lắk	28TBN10	9.0	9.0	Đạt	
88	25203309202	Lương Thị Tú	Uyên	06/08/2001	Hà Tĩnh	28TBN9	9.3	6.5	Đạt	
89	25202107512	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	28/05/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.0	7.3	Đạt	
90	25202401079	Trần Nguyễn Hạ	Uyên	12/10/2001	Quảng Ngãi	28TBN10	8.3	5.5	Đạt	
91	25202107451	Trần Thị Cẩm	Vân	10/05/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.7	6.0	Đạt	
92	25202400545	Phạm Yến	Vy	25/12/2001	Đắk Lắk	28TBN9	9.7	5.0	Đạt	
93	25207104876	Trần Thị Ngọc	Yến	11/10/2001	Quảng Nam	28TBN9	9.0	5.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh